

142 N. 31ST STREET OMAHA NE. 68131 USA

Closest Relative in Other Foreign Country/
Bà Con Thân-Thuộc Nhất ở Các Nước Khác

a. Name
Họ, Tên:

b. Relationship
Liên-Kê Gia-Đình:

c. Address
Địa-Chỉ:

2. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa-Chỉ

1. Father: Nguyễn cử (chết)
2. Mother: Phạm Thị Tchép (chết)
3. Spouse: Nguyễn Thị Nga Số 4 xã Nhị Hải TP. Đà Nẵng
4. Former Spouse (if any):
5. Children:
6. Son: (1) Nguyễn Văn Dũng Số 4 xã Nhị Hải TP. Đà Nẵng
(2) Nguyễn Văn Dũng
(3) Nguyễn Văn Dũng
(4) Nguyễn Thị Ngọc Hiền
(5) Nguyễn Thị Ngọc Hiền
(6) Nguyễn Văn Dũng
(7)
(8)
(9)
(10)

Siblings

- Anh Chị Em: (1) Nguyễn Thị Dăm
(2) Nguyễn Thị Tài
(3) Nguyễn Văn Dũng
(4) Nguyễn Thị Hết
(5) Nguyễn Thị Hết
(6) Nguyễn Văn Dũng
(7)
(8)
(9)
(10)

3. Employment by U.S. Government, Agencies or Other U.S. Organizations of you or your
Ban Hoạch Vở/Chức vụ của bạn hoặc của Ban Hoạch Vở của bạn

a. Name of Person Employed:
Họ Tên Nhân-Viên:

b. Dates: FROM: TO:
Ngày: Tháng: Năm: Từ: Đến:

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-vụ Công-Việc : 1

2

3

4

4. Agency/Company/Office

Sở/Hàng/Văn-Phòng : 1

2

3

4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên-Họ Người Giám-Thị : 1

2

3

4

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra Đi : 1

2

3

4

7. Training for Job in Vietnam:

Nghề-Nghiệp Huấn-Luyện tại Việt-Nam

8. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Sponsor

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham-Gia :

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From

To

To

From

3. Last Rank

Cấp-Bậc Cuối-Cùng

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/có/Đơn-Vị/Binh-Chúng

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ-Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

7. Names of American Advisor(s):

Họ Tên Cố-Vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ

Tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Giấy Ban-Khen hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ cấp

NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available. Yes ☐ No ☐

CHÚ-Y: Xin hạn Kèm Theo bất cứ Văn-Đề, Giấy Ban-Khen, hoặc chứng-thư có được sự có không? Có ☐ Không ☐

Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Pan Hong Vd/Chồng Đã huấn luyện ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Ho Tồn Sinh-Viên/Người được huấn-luyện

2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường :

3. Duten:
Ngày; Tháng, Năm

- From
Mr

- Tc
t

4. Description of Journeys
Kô-Tô Ngành Học

5. Who paid for training? ☐ 1
 A1 Dai-The Chuong-Trinh Huu-An-Luy Qu? ☐ 1

NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? ☐ Yes ☐ No

CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bản, hoặc chỉ-thả một số. Bạn có hay không? Có ... Không

H. Re-education of You or Your Spouse

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Receipt: Họ Tân Ngươn- Di Học-Tập Cải Tạo

2. Total time in Reeducation
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo:

3. Still in Reeducation? Yes
VĂN CỐN HỌC-TẬP CẤP 1-Tiểu 5

Nguyễn Văn Chi

W-17-3-1985 Jan 23-9-1980

01-6-0980 *28-8-0984

Tổng công
Bà mẹ Ithalia Engay

* (If released, we must have a copy of your report as certification.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bữa ăn đầy đủ và ngủ.)

Any Additional Remarks?

Cố-cổ-Chu Phu Thuộc

Signature

Ký Tên :

Ulsen ^{iv} ^c Ch

29-2-1980

Please List here All Documents Attached to This Instructional Form

Hin Kieu Ha Tai Ca Chien-to Kien Thien-vo, Chi Chien-vo, Hu

- 3 bản sao giấy cải tạo (Trước là 2 bản)
- 6 bản sao CMND
- 10 giấy khai sinh của 5 con
- Chứng minh họ nguyên đơn chưa được lấy
- 2 Bản hồ sơ
- 2 bản chứng hôn thú.

ĐỒ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRẠI GIẢI THUNG
Số: 113H

Giới Trung, ngày 22 tháng 09 năm 1980

SMSLD (1:0:3:6:7:8:0:5:5:4:2:1)

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTC ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ Tướng C
Chính Phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với
binh sỹ, nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động
hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ Quốc Phòng - Nội vụ số 07/TT - LB ngày 2
tháng 11 năm 1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTC ngày 22 tháng 08
năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định của số: 442 ngày 15 tháng 08 năm 1980
của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

1/-/0 và tên: NGUYỄN VĂN CHI Sinh năm: 1937

Sinh quán: Nghĩa Bình

Trú quán: Thôn Lôi, phường Cờ Lầu, huyện Nghĩa Bình

Số lính: 57.908.327 Cấp bậc: Trung úy

Chức vụ: Trưởng ban hoạt động trong bộ máy chính quyền
quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ.

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy ban nhân dân, công
an xã, phường thuộc huyện, quận. Quy nh đ Tỉnh thành phố
Nghĩa Bình và phải tuân theo các qui định của Ủy
ban nhân dân, tỉnh, thành phố về việc quản chế nơi cư trú và các mặt quản
lý khác.

Thời hạn quản chế: 12 tháng «mười hai»

Thời hạn đi đường: 01 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)

Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 55 đ. «năm mươi»

Tên người tay trái phải: Ng Văn Chi Chữ ký của người được
cấp giấy

Danh bản số: 3644

Lưu tại: Giới Trung



Ng Văn Chi

Trưởng Ban Thanh Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẤY CHỨNG THỰC
HỢP KHẨU TỰ SỬNG TỰ

Số: 238 /

Họ và tên chủ hộ:

Nguyễn Văn Nga

Tên, chức, số, cấp, ngày, số của:

Xã, thị trấn, huyện phố:

Khánh

Tiểu khu, phường, đơn, tổng an

Thị trấn

Huyện, quận, khu phố, thị xã:

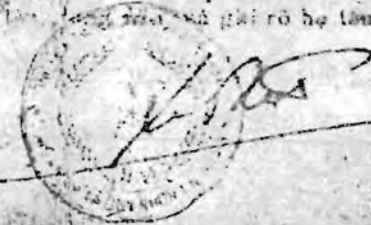
Quận Mỹ Đức

Tỉnh, thành phố:

Hà Nội, Bình

Ngày: 12 tháng 02 năm 1972

P. Trưởng ban: Tên và Chức vụ
(Chức vụ, ngày, số, địa chỉ rõ họ tên)



Tên số:

Tên số:

Thượng úy: NGUYỄN VĂN QUÊ

NGƯỜI TẠO NG THỦ TRƯNG HỘ

HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CHÍNH	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên con đẻ ĐINH
2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Nguyễn Văn Ngà	sinh	Nữ	1932	210.931045	Trên nhà N. H. H.	04-1978		
2. Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	22.02.1973	210.931045	Huấn luyện	04-1978		
3. Nguyễn Văn Lành	con	Nam	01.11.1974		Huấn luyện	04-1978		
4. Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	01.11.1974		Huấn luyện	04-1978		
5. Nguyễn Văn Ngọc Diễm	con	Nữ	21.02.1981			08-1981		
6. Nguyễn Văn Ngọc Hiền	con	Nữ	21.6.1985			22.7.85		
7. Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	20.2.1987			20.2.87		
8. Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	1987			11.11.87		
9. Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	1987			11.11.87		

Exp. 189 - T. 10 - High 100

258

Đặng Thị Nga

24

Smith

Mindful

Qui Nidm

1. Flora Birds

P. Tru... Thị xã Cầu Khe
(Chị Tru... và gia đình)

Chị Vân, bạn gái và gọi rõ họ tên)

Aug. 25

Thượng úy: NGUYỄN XUÂN QUẾ

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG MỘ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	HỌ VÀ TÊN	Quê quán vị trí họ	Nam họ nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKKK
01	Nguyễn Thị Ngà	chủ hộ	Nữ	1953	2109371140	Em nhân viên	04-1978		
02	Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	22.02.1973	8/1913/164	Học sinh	04-1978		
03	Nguyễn Văn Sơn	con	Nam	01.11.1974		Học sinh	04-1978		
04	Nguyễn Văn Sơn	con	Nam	01.11.1974		Học sinh	04-1978		
05	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	con	Nữ	31.07.1971			08-1981		
06	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	con	Nữ	21.6.1985			22.7.85		
07	Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	20.2.1987			20.2.87		
08	Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	1977			16.12.88		
09	Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	1977			17.12.88		

11/11/88
 Nguyễn Văn Dũng
 Nguyễn Văn Dũng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh (Thị Xã) Quảng Nam

Quận Núi Thành

Xã (Phường) Trung Phước

Số hiệu : 32

Trích Lục Chứng Thư Hôn Thú

Lập ngày 31 tháng 07 năm 1972

Tên họ chồng :	NGUYỄN VĂN CHÍ
Ngày và nơi sanh :	19.12.1937 tại Hòa Nghĩa, Bình Định
Tên họ cha chồng :	Nguyễn Quý (sống/chết)
Tên họ mẹ chồng :	Phạm Thị Thiệp (sống/chết)
Tên họ vợ :	NGUYỄN THỊ HOA
Ngày và nơi sanh :	1953, tại Mỹ An, Phú Mỹ, Bình Định
Tên họ cha vợ :	Nguyễn Ninh (sống/chết)
Tên họ mẹ vợ :	Thảo Thị Lý (sống/chết)
Ngày lập hôn thú :	Ba mươi một, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (31.07.1972)
Có lập hôn khế không :	//

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH :

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

06 tháng 07 năm 1972

VI VIÊN HỌ-TỊCH

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

~~QUẢNG NAM~~

TRẦN-VĂN-TRIỂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh (Thị Xã) Quảng Nam

Quận Đông Bình

Xã (Phường) Trung Phú

Số hiệu : 32

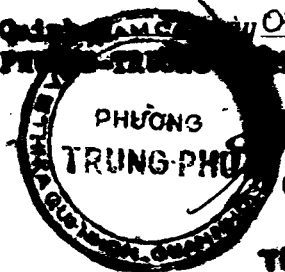
Trích Lục Chứng Thư Hôn Thú

Lập ngày 31 tháng 07 năm 1972

Tên họ chồng :	<u>NGUYỄN VĂN CHÍ</u>
Ngày và nơi sanh :	<u>19.12.1937 tại Hòa Nghĩa, Bình Định</u>
Tên họ cha chồng :	<u>Nguyễn Quý</u> (sống/chết)
Tên họ mẹ chồng :	<u>Phạm Thị Thiệp</u> (sống/chết)
Tên họ vợ :	<u>NGUYỄN THỊ HOA</u>
Ngày và nơi sanh :	<u>1953, tại Mỹ An, Phú Mỹ, Bình Định</u>
Tên họ cha vợ :	<u>Nguyễn Minh</u> (sống/chết)
Tên họ mẹ vợ :	<u>Thái Thị Lý</u> (sống/chết)
Ngày lập hôn thú :	<u>Đã cưới một, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai hai (31.07.1972)</u>
Có lập hôn khế không :	<u>//</u>

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Quảng Nam ngày 06 tháng 07 năm 1972
PHUONG TRUNG PHU ỦY VIÊN HỘ-TỊCH



Trần Văn Triện
TRẦN-VĂN-TRIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **210971040**

Họ tên **NGUYỄN THỊ NGÀ**



Sinh ngày **1953**

Nguyên quán **Mỹ Thắng,**

Phủ Mỹ, Nghĩa Bình.

Nơi thường trú **Nhơn Hội,**

Qui Nhơn, Nghĩa Bình.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Seo chạm cách 3cm
trên trước đuôi máy
trái.

NGÓN TRỎ PHẢI



Minh Chus

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **210971040**

Họ tên **NGUYỄN THỊ NGÀ**



Sinh ngày **1953**

Nguyên quán **Kỹ thắng,**

Phủ Mỹ, Nghĩa bình.

Nơi thường trú **Nhơn hội,**

Qui nhơn, Nghĩa bình.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Seo chạm cách 3cm
trên trước đuôi máy
trái.

7 năm 1981



TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

Minh Chu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 211413464

Họ tên NGUYỄN VĂN DŨNG



Sinh ngày 22/02-1973

Nguyên quán Mỹ Hiệp,
Phủ Mỹ, Nghĩa Bình.

Nơi thường trú Nhơn Hội,
Qui Nhơn, Nghĩa Bình.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

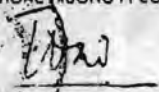
Sẹo chấm C. 2cm sau
đuôi máy phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 22 tháng 9 năm 1966

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN


Đỗ Sinh Coai



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 211413464

Họ tên NGUYỄN VĂN DŨNG



Sinh ngày 22/02-1973

Nguyên quán Mỹ hiệp,
phủ mỹ, Nghĩa bình.

Nơi thường trú Nhơn hội,
Qui nhơn, Nghĩa bình.

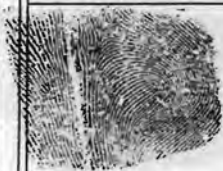
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Đeo chấm 0,2cm sau
đuôi máy phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 23 tháng 9 năm 1968

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Đ. Sinh Coai



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **210471683**



Họ tên **THÁI PHỊ LY**

Sinh ngày **12-01-1921**

Nguyên quán **Mỹ thắng,**

Phù mỹ, Nghĩa bình

Nơi thường trú **Mỹ thắng,**

Phù mỹ, Nghĩa bình

Dân tộc: **kinh**

Tôn giáo: **không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH


Khoèo

NGÓN TRỎ TRÁI

**Nốt ruồi c.lcm trrớc
cánh mũi trái**

27 tháng 4 năm 1979

NGÓN TRỎ PHẢI



CHUỖ KÝ
Châu Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **210471683**

Họ tên **PHẢI PHỊ LY**

Sinh ngày **12-01-1921**

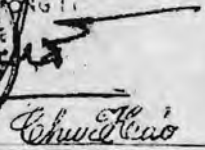
Nguyên quán **Mỹ Thắng,**

Phủ Mỹ, Nghĩa Bình

Nơi thường trú **Mỹ Thắng,**

Phủ Mỹ, Nghĩa Bình



Dân tộc: kinh		Tôn giáo: không	
 Khoèo	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Nốt ruồi c.1cm trước cánh mũi trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 27 tháng 4 năm 1979  GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHỐ HÀ NỘI 	

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, thị trấn

Thị xã, quận

Thành phố, tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 132

Quyển số 01

Họ và tên	NGUYỄN VĂN DANH		Nam, Nữ	NAM
Sinh ngày tháng năm	Ngày một tháng mười một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn (01-11-1974)			
Nơi sinh	Phường Trung Phú Thị xã Qui Nhơn			
Khai về Cha mẹ	CHA	MẸ		
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	NGUYỄN VĂN CHI 1937	NGUYỄN THỊ NGA 1953		
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam		
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú	Làm biển Khối 7 khu phố Lê Lợi QN	Buôn bán Khối 7 khu phố Lê Lợi QN		
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú số giấy Chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN THỊ NGA 1953 Khối 7 khu phố Lê Lợi thị xã Qui Nhơn			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 4 tháng 4 năm 82

TM/UBND U V K ký tên đóng dấu



Nguyễn Văn Phúc

Ký, ngày 8 tháng 11 năm 1979

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/ UBND PHƯỜNG LÊ LỢI

KT: CHỦ TỊCH

UVTK

Ký và đóng dấu

Trần Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, thị trấn LÊ LỢI

Thị xã, quận QUI NHƠN

Thành phố, tỉnh NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 132

Quyển số 01



Họ và tên	NGUYỄN VĂN DINH Nam, Nữ <u>NAM</u>	
Sinh ngày tháng năm	Ngày một tháng mười một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn (01-11-1974)	
Nơi sinh	Phường Trung Phú Thị xã Qui Nhơn	
Khai về Cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	NGUYỄN VĂN CHAI 1937	NGUYỄN THỊ NGÀ 1953
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp nơi ĐKKK thường trú	Làm biển Khối 7 khu phố Lê Lợi QN	Buôn bán Khối 7 khu phố Lê Lợi QN
Họ tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú số giấy Chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN THỊ NGÀ 1953 Khối 7 khu phố Lê Lợi Thị xã Qui Nhơn	

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 4 tháng 4 năm 82

Người khai NGUYỄN VĂN DINH ký tên đóng dấu



Nguyễn Văn Phát

Viết ký, ngày 8 tháng 11 năm 1979

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TH/ UBND PHƯỜNG LÊ LỢI

KT: CHỦ TỊCH

UVTK

Viết ký và đóng dấu

Trần Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, thị trấn LÊ LỢIThị xã, quận QUI NHƠNThành phố, tỉnh NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 171Quyển số 01

Họ và tên	NGUYỄN VĂN DŨ		Nam, Nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	Ngày một tháng mười một, năm một nghìn chín trăm bảy mươi bốn (01-11-1974)		
Nơi sinh	Phường Trưng Bửu . Qui Nhơn		
Khai về Cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	NGUYỄN VĂN CHI 1937	NGUYỄN THỊ NGÀ 1953	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú	Làm biển Khối 7 khu phố Lê Lợi Q	Buôn bán Khối 7 khu phố Lê Lợi Q	
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú số giấy Chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN THỊ NGÀ 1953 Khối 7 khu phố Lê Lợi Thị xã Qui Nhơn		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 4 tháng 4 năm 82TM/UBND D. M. D. ký tên đóng dấu

KUTK

Nguyễn Văn Phát

Ký, ngày 8 tháng 11 năm 1979

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND Phường Lê Lợi

KT-Chủ tịch

UVTK

Đã ký và đóng dấu

Tần Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, thị trấn LÊ LỢIThị xã, quận QUI NHƠNThành phố, tỉnh NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 17Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	NGUYỄN VĂN DƯ		Nam, Nữ	Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày <u>một</u> tháng <u>mười</u> năm <u>một</u> ngày chín trên bảy <u>mười</u> bốn (01-11-1974)			
Nơi sinh	Phường Trần Phú . Qui Nhơn			
Khai về Cha mẹ	CHA	MẸ		
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	NGUYỄN VĂN CHI 1937	NGUYỄN THỊ NGÀ 1953		
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam		
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú	Làm biển Khối 7 khu phố Lê Lợi QN	Buôn bán Khối 7 khu phố Lê Lợi QN		
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú số giấy Chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN THỊ NGÀ 1953 Khối 7 khu phố Lê Lợi Thị xã Qui Nhơn			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 1 tháng 4 năm 82TM/UBND N. Lợi ký tên đóng dấu

UUTK

Nguyễn Văn Phát

Ký, ngày 8 tháng 11 năm 1979

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND Phường Lê Lợi

KT-Chủ tịch

UUTK

Ký và đóng dấu

Trần Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường Thị trấn

Huyện, Quận TP. Quận 1

Tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số 150

Quyển 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp Nam hay nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh ngày 10 tháng 1 năm 1981
tháng 1 năm 1981
Nơi sinh Trạm y tế Phường Bình Hưng Hòa
Dân tộc Khmer Quốc tịch Viet Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Nga</u>	<u>Nguyễn Văn Chai</u>
Tuổi	<u>1983</u>	<u>1937</u>
Dân tộc	<u>Khmer</u>	<u>Khmer</u>
Quốc tịch	<u>Viet Nam</u>	<u>Viet Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Đã nghỉ hưu</u>	<u>Đã nghỉ hưu</u>
Nơi thường trú	<u>Đã về xã nhà</u>	<u>Đã về xã nhà</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thị Nga 1983, xã nhà, TP. Quận 1
CMND số 921040

Đăng ký ngày 00 tháng 10 năm 1981

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Nga

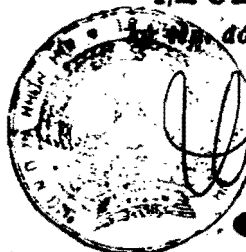
Trần Vui

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

T/M UBND

đóng dấu



Trần Văn Thiện

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường Nhơn Hòa
Huyện, Quận TP. Quận 8
Tỉnh, Thành phố Biên Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số 150

Quyển 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Thị Ngọc Liễu Nam hay nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh ngày 16 tháng 1 năm 1984
niết ngàn chín trăm tám mươi mốt (8.8.84)
Nơi sinh Xã Nhơn Hòa, Huyện Quận 8, TP. Quận 8
Dân tộc Việt Nam Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Nga</u>	<u>Nguyễn Văn Chí</u>
Tuổi	<u>42</u>	<u>37</u>
Dân tộc	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Trên biển</u>	<u>Trên biển</u>
Nơi thường trú	<u>Đã ở xã Nhơn Hòa</u>	<u>Đã ở xã Nhơn Hòa</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Nguyễn Thị Nga 42 xã Nhơn Hòa TP. Quận 8
CMND số 974040

Đăng ký ngày 02 tháng 10 năm 1984
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Nga

Trần Vui

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm



Trần Văn Khương

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu số NT3/P3

Xã, Thị trấn: Nhơn Hội
Thị xã, Quận: Quỳ Hợp
Thành phố, Tỉnh: Nghệ An

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 56
Quyển số II

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Ngọc Hiền</u>		Nơi, nữ
Sinh ngày tháng, năm	<u>ngày hai mốt mốt tháng sáu năm mốt ngàn chín trăm tám mươi lăm (21-6-1985)</u>		
Nơi sinh	<u>Đương xã - Li - Lộ</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Chi 1957</u>	<u>Nguyễn Thị Nga 1953</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>làm ruộng</u>	<u>làm ruộng</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Đã khai ở xã Đương và xã Nhơn Hội</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Nga 1953, xã Đương và xã Nhơn Hội, số 01102210971 020</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 198 _____

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 19 tháng 7 năm 198 5

TM UBND Ko Văn Ho ký tên đóng dấu



ĐỒ BÌNH

Mẫu số HT3/P7

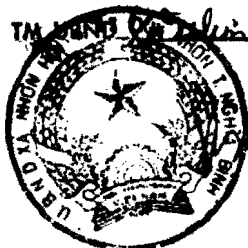
SS Qu
Quyền số 74

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Thị Nga Hiền		Nơi, nữ
Sinh ngày tháng, năm	ngày hai mùng một tháng sáu năm một nghìn chín trăm bốn mươi lăm (21-6-1955)		
Nơi sinh	Xã Nghi Lễ, L.		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Chín 1937	Nguyễn Thị Nga 1953	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Đã mất	Đã mất	
Nơi ĐKNK thường trú	Đã mất việc 2 nhân hộ, đã mất việc 1 nhân hộ		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Nga 1953, đã mất việc 2 nhân hộ, số CMND 210971000		

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Tên người ký tên đóng dấu



ĐỒ-BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường nhân học
Huyện, Quận TP. Quận 1
Tỉnh, Thành phố Biên Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số 126

Quyển 4



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Văn Dũng Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày hai mươi tháng hai năm
một nghìn chín trăm tám mươi bảy (2-2-1987)
Nơi sinh Trạm y tế Phường Xé Lát Quận 1
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Nga</u>	<u>Nguyễn Văn Chí</u>
Tuổi	<u>1983</u>	<u>1987</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Đầu bếp</u>	<u>Làm bếp</u>
Nơi thường trú	<u>Tổ 4 xã Nhân Học</u>	<u>Tổ 4 xã Nhân Học</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thị Nga 1983 Nhân Học TP. Quận 1
Chứng minh thư số 9510100

Đăng ký ngày 17 tháng 3 năm 1987
TM ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Nga

Phan Đình Thanh

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

TM UBND

Đóng dấu



Phan Văn Thiệu

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường Nhơn Hòa

Huyện, Quận Thị xã Thuận An

Tỉnh, Thành phố Biên Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số 126

Quyển 04



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Nguyễn Văn Dũng Nam hay nữ Nam
 Ngày, tháng, năm sinh 01/01/1987 Tháng hai năm
một ngàn chín trăm tám mươi bảy (d. 2. 1987)
 Nơi sinh Đạm Mỹ, xã Thuận Lợi, TP. Thuận An
 Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Nga</u>	<u>Nguyễn Văn Chi</u>
Tuổi	<u>1953</u>	<u>1937</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Đội bán</u>	<u>Làm bán</u>
Nơi thường trú	<u>Tổ 4 xã Nhơn Hòa</u>	<u>Tổ 4 xã Nhơn Hòa</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thị Nga, 1953, Nhơn Hòa, TP. Thuận An
CMND là 210.971.010

Đăng ký ngày 17 tháng 3 năm 1987
 T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Nga

Phan Xuân Thành

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

ỦY BAN

Đang ký



Phan Văn Thành

Lưu Anh, ngày 29-2-1990

Kính thưa Bà

Chúng tôi rất vui mừng khi nhận được thư của bà đề ngày 06-1-1990 chúng tôi, lấy làm mừng và cảm tạ ơn bà đã chiếu cố đến gia đình chúng tôi.

Tiếp theo đề ngày 28-11-1989 nay xin báo tin đoàn bộ hồ sơ còn thiếu hết.

Chúng tôi trân trọng xin chào và lòng kết cho gia đình tôi được vào Điện H.O. để được thăm và theo chương trình của Qúi Quốc, chúng tôi rất mong mọi kết quả, mong bà báo cảm!

Ulee

Nguyễn Văn Chi

Nguyễn Văn Chi
Nhơn Hòa, Quận Nhơn
Bình Định VN

MAR 7 1998

80
820

TO:

KHUC MINH - THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA:
22205 - 0635

U.S.A.



VIA AIR MAIL PAR AVION

C O N T R O L

~~Card~~
~~Doc. Request; Form~~
~~Release Order~~
~~Computer~~
~~Form "D"~~
~~ODP/Date~~
~~Membership; Letter~~

9/2/88 6/14/90



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN PHU CHI
Last Middle First

Current Address: ^{27/4} 401 Loi Nhon - Hoc - Qui Nhon - Binh Dinh

Date of Birth: 12-19-1937 Place of Birth: Qui Nhon

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-75 To 09-22-1980
Years: 05 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN NGOC XUAN</u>	<u>brother in law</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon 28/11/1989

Kính thưa Bà

Tôi tên Nguyễn Văn Chi
sinh ngày 19/12/1938 cấp bậc Thiếu úy CSQG
đã cải tạo 2 lần tổng cộng tất cả thời gian là
8 năm 9 tháng 2 ngày tại Việt Nam.

Nay vì hoàn cảnh gia đình có khó khăn
nên tôi viết thư này xin Bà với tư cách Chủ tịch
Ban Cửu Chính trị VN tại Hoa Kỳ, nhờ Bà
can thiệp với phái đoàn Hoa Kỳ tại Bangkok
chấp thuận cho tôi đến thăm Cũ tại Hoa Kỳ theo
điều H.O

Trong khi chờ đợi sự giúp đỡ của Bà, xin
Bà nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn của
tôi.

Kính thư

Chi

Nguyễn Văn Chi

ĐO NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

TRẠI GIẢI THƯỜNG
Số: 113H

Gia Trung, ngày 22 tháng 09 năm 1980

SHSLD (1:0:3:6:7:8:0:5:5:4:2:1)

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ Tướng C
Chính Phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với
bình sỹ, nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và Đảng phái phản động
hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ Quốc Phòng - Nội vụ số 07/TT - LB ngày 2
tháng 11 năm 1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 08
năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định của số: 112 ngày 15 tháng 08 năm 1980
của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

1/-/q và tên: NGUYỄN VĂN CHI Sinh năm: 1937

Sinh quán: Nghĩa Bình

Trú quán: Hộ lạc, phường Cờ Lơ, huyện Nghĩa Bình

Số lính: 57.908.327 Cấp bậc: Thiếu úy

Chức vụ: Trưởng Ban hoạt vụ trong bộ máy chính quyền
quyền quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ.

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy ban nhân dân, công
an xã, phường thuộc huyện, quận. Huyện ủy và phải tuân theo các qui định của Ủy
ban nhân dân, tỉnh, thành phố về việc quản chế nơi cư trú và các mặt quản
lý khác.

Thời hạn quản chế: 12 tháng «mười hai»

Thời hạn đi đường: 01 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)

Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 05 đ. (năm đồng)

Tên người tay trợ phải: Chữ ký của người được cấp giấy

Của Nguyễn Văn Chi

Danh bản số: 3611

Lập tại: Gia Trung



Nguyễn Văn Chi

Nguyễn Văn Chi

Số: 211. 70Đ/UB

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH

số: 220/TTg ngày 11/8/1978 và thông tư số: 22/8/1977, trong tư
cục Thủ tướng chính phủ "về việc xét thặng phần với những
nhân tố nguy hiểm, nguy hiểm, tăng phần... tập trung
giáo dục cải tạo".

Xét đề nghị của ông Giám đốc Công an tỉnh Nghệ An đã được sự đồng ý của Bộ Nội Vụ.

60 YHT - BINH

Điều 1: Này ra lệnh thả ra khỏi trại cải tạo tỉnh Nghệ An bình và
đưa phương làm ăn sinh sống kể từ ngày 29 tháng 8 năm 1964
cho đường sư có tên sơ. Đây:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN CHÁI Sinh năm: 1917

đô quán: NÚ NÚC - PHU LŨ - NƠI LÃ BỊ

Họ tên: Trần Văn Xuân

Họ tên: TRẦN Tôn giáo: KHÔNG Văn hóa: 10

Ngày tháng năm bị bắt: 01/6/1987 Hình thức: ĐTC

(m tời: C. Tân Dân và các Việt Nam

đỏ ở khi tta về: Hải Phòng - Quy Nhơn - Nghệ Tĩnh Bình

Điều 2: Thi về địa phương đương sự có tên trên phải xuất trình ngay quyết định tha với công an huyện, thị xã và chính quyền địa phương nơi mình cư trú và phải chịu sự quản chế tại địa phương thời hạn: 24 tháng.

Điều 3: Ông chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các ông Giám đốc Công an tỉnh Nghĩa Bình, Giám thị trại cải tạo chỉ huy và đường sự có liên đới trên chịu trách nhiệm. Ông Giám thị Nghĩa Bình quyết định này.

TRƯỞNG BAN NHẬN ĐƠN TỈNH NGHĨA BÌNH
Chữ Tịch

Đã ký: TỔ ĐÌNH CẢ

SAO Y BAN CHINH
thang năm 1 năm 19 12
TUY TAI NHAN DAN TIEN HAI BINH



बुद्धिमान व्यक्ति: ३ गुण

Tháng năm đã chọn là: tháng Năm đã chọn là: năm

Stare n'ro _____ Ching n'ro đã cấp: _____

Date by _____ Month _____ Year _____
 By _____
 By _____

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

Всего 148 - 74 - 74, аб. р. н. н.

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU TƯỜNG TRÚ

86 238 CN

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn Thị Nga
 Tuổi, dân tộc, cấp, ngày sẽ nộp : 27/4
 Xã, thị trấn, đường phố : Thị trấn
 Tiểu khu, phường, đơn công an : Ninh Hải
 Huyện, quận, thị phố, thị xã : Quận Mãn
 Tỉnh, thành phố : Quảng Bình

Ngày 12 tháng 08 năm 1972

P. Truông Văn Chín và Chị 4/2/68
(Xy luyến, gần gũi và gai rõ hệ luyến)

732 8571

தமிழ்நாடு உயர்நீதிமன்றம்

Thượng úy NGUYỄN QUÂN QUẾ

NGƯỜI TRƯỞNG TRƯỞNG TRƯỞNG HỌ

STT	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Môn nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên con bộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Văn Ngà	chủ hộ	Nữ	1953	210931040	Buôn bán Mĩnh Hải	04-1978		
02	Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	22.02.1973	2119731164	Học sinh	04-1978		
03	Nguyễn Văn Sơn	con	Nam	01.11.1974		Học sinh	04-1978		
04	Nguyễn Văn Sơn	con	Nam	01.11.1974		Học sinh	04-1978		
05	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	con	Nữ	31.02.1981			08-1981		
06	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	con	Nữ	21.6.1985			22-7-85		
07	Nguyễn Văn Dũng	con	Nam	20.2.1987			20-2-87		
08	Nguyễn Văn H. B.	Chồng	Nam	1977			16-11-87		
09	Chị Lý	con	Nữ	1981	210971683		11-11-81		

1. 12. 85
 11. 11. 85
 11. 11. 85
 11. 11. 85

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP QUÂN

Date/ Ngày: _____

A. Basic Identification Data
Lịch căn-bản

1. Name/ Tên: NGUYỄN VĂN CHÍ

2. Other Names/ Họ, Tên Khác: _____

3. Date/Place of Birth/ Ngày/Nơi Sinh: 19/12/1937 Mỹ Hiệp, Phú Mỹ, Bình Định

4. Residence Address/ Địa-chỉ Thường-trú: Nhơn Hội, Quy Nhơn, Bình Định

5. Mailing Address/ Địa-chỉ Thư-từ: Nhơn Hội, Quy Nhơn, Bình Định

6. Current Occupation/ Nghề-Nghiệp: đánh cá

B. Relatives To Accompany Me
Và Con Cưng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name/ Họ, Tên	Date of Birth/ Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth/ Nơi Sinh	Sex/ Giới	MS/ Tình Trạng Gia-Đình	Relationship/ Liên-Hệ Gia
1. Nguyễn Thị Nga	1953	Bình Định	Nữ	Nghèo	Vợ
2. Nguyễn Văn Dũng	20/2/1973	Bình Định	Nam		Con
3. Nguyễn Văn Danh	1/11/1974	Bình Định	Nam		Con
4. Nguyễn Văn Dũng	1/11/1974	Bình Định	Nam		Con
5. Nguyễn Thị Ngọc Diên	31/8/1981	Bình Định	Nữ		Con
6. Nguyễn Thị Ngọc Thiên	21/6/1985	Bình Định	Nữ		Con
7. Nguyễn Văn Dũng	20/2/1982	Bình Định	Nam		Con
8. Thái Thị Lý	1981	Bình Định	Nữ		Me vợ

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), death certificate (if widowed), identification cards (if available), and...
If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note the addresses in Section I below.)

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, hôn-thiệp (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-thất của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình ảnh. Nếu họ con của bạn thì chúng ta sẽ cùng đi với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Và Hàng Ở Ngoại Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Và Con Thân Thuộc Nhất Ở Hoa-Kỳ

Name/ Họ, Tên: Nguyễn Ngọc Xem

2. Relationship/ Liên-Hệ Gia-Đình: em rể

3. Address/ Địa-Chỉ: 1219 N 31st Street
OMAHA NE 68131 USA

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoài Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: _____
2. School and School Address:
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường: _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, Tháng, Năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses:
Mô-Tả Ngành Học: _____
5. Who paid for training?
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? _____

NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐
CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo: Nguyễn Văn Chi
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 8 years 9 months 2 days
TỔNG-CỘNG THỜI GIAN HỌC TẬP CẢI-TẠO: _____ năm _____ tháng _____ ngày
3. Still in Reeducation? Yes ☐ No ☐
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? Có ☐ Không ☐

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

Any Additional Remarks?
Có-Chứ Phụ Thuộc

Signature Chi Date 22/11/1989
Ký Tên: Nguyễn Văn Chi Ngày: _____

Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với nh Câu Hỏi Này

- 1- 2 Bản sao giấy cải tạo.
- 2- 1 Bản sao hồ khẩu.

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-vụ Công-Việc : 1

2

3

4

4. Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng : 1

2

3

4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên/Họ Người Giám-Thị : 1

2

3

4

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra Đi : 1

2

3

4

7. Training for Job in Vietnam:

Nghề-Nghiệp Huấn Luyện tại Việt-Nam:

Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse

Serviced with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham-Gia :

Nguyễn Văn Chi

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

Từ : 19/6/1969

To

Tới : 17/3/1975

3. Last Rank

Cấp-Bậc Cuối-Cùng

Thiếu úy

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng

Bộ Chỉ huy CSQG Tỉnh KONTUM

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan
Chỉ-Huy

Trưởng thế Vinh (Trung Tá CSQG)

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

Xin định cư theo diện HO

7. Names of American Advisor(s):

Họ Tên Cố-Vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ
Tại Việt-Nam

2 khóa Phương hoàng Cấp Xã

9. U.S. Awards or Certificates :

Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp:

NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.

CHÚ-Y: Xin ban Kèm Theo Bất cứ Văn-Dùng, Giấy Ban-Khen, hoặc Chứng-thư nếu có.
Ước sự có không? Có ☐ Không ☐.

Nguyễn Văn Chi.
Thôn Lớn, Quê Lớn
Bình Định VN.

ÁP SÀO
NHẬN

NHÀ
CÓD AP

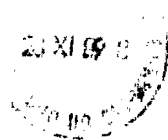
MÁY BAY
PAR AVION



35g - 25300g

VIA AIRMAIL PAR AVION

20 6 4



25300

TO :

KHỐC MINH THỎ

DEC 1 6 1989

P.O. BOX 5435

ARLINGTON - VA 22205-0635

USA

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ ☒ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

1/5
~~12/17/89~~